

Số: 13/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-TTCP ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan Thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả;

Thực hiện Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh Vĩnh Long tại Tờ trình số 65/TTr-TT ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Thanh tra tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Thanh tra tỉnh) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh), tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của

pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Thanh tra tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ, quyền hạn khác, cụ thể như sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định và các văn bản khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh;

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; dự thảo các văn bản khác khi được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh; dự thảo các văn bản về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã), trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Về thanh tra:

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra được phê duyệt;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc sở và cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành tỉnh;

d) Thanh tra việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

đ) Thanh tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Thanh tra vụ việc khi Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị;

g) Thanh tra vụ việc khác khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

h) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Phối hợp với Kiểm toán nhà nước Khu vực IX để xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán nhà nước;

k) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ các quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra;

l) Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm xử lý đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

m) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Thanh tra tỉnh.

6. Về tiếp công dân:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân theo quy định;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ cho người làm công tác tiếp công dân thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; kiến nghị các biện pháp để thực hiện hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Xác minh, báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại;

đ) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Giám đốc sở và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định;

e) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao;

g) Tiếp nhận, xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

c) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ;

d) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

e) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động của Thanh tra tỉnh;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công tác đánh giá phòng, chống tham nhũng theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

9. Xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện quyền hạn của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ.

12. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; chuyển đổi số; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

13. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức tham mưu tổng hợp và các phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh; quản lý biên chế, công chức, thực hiện các chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Thực hiện cải cách hành chính theo chỉ đạo và chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xem xét, bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính và Thanh tra viên cao cấp theo quy định của pháp luật.

17. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cấp, quản lý, sử dụng thẻ Thanh tra theo quy định.

18. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Thực hiện tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Thanh tra tỉnh: Chánh Thanh tra và 06 Phó Chánh Thanh tra (Lộ trình đến năm 2030 thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định)

a) Chánh Thanh tra tỉnh là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu cơ quan Thanh tra tỉnh, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh, của Chánh Thanh tra tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc và phân công của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ;

b) Phó Chánh Thanh tra tỉnh là người giúp Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện nhiệm vụ do Chánh Thanh tra tỉnh phân công, chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra tỉnh vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra tỉnh được Chánh Thanh tra tỉnh ủy quyền thay Chánh Thanh tra tỉnh điều hành các hoạt động của Thanh tra tỉnh. Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1;
- c) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2;
- d) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3;
- đ) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực giao thông, xây dựng, tài chính, đầu tư (gọi tắt là Phòng nghiệp vụ 1);
- e) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, công thương, khoa học công nghệ, truyền thông và chuyển đổi số (gọi tắt là Phòng nghiệp vụ 2);
- g) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực y tế, giáo dục, nội vụ, tư pháp, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, thể thao, du lịch (gọi tắt là Phòng nghiệp vụ 3);
- h) Phòng Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- i) Phòng Giám sát, thẩm định, theo dõi, đôn đốc và Xử lý sau thanh tra.

Điều 4. Biên chế công chức, số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Thanh tra thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Thanh tra tỉnh Vĩnh Long sau sắp xếp tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được Thanh tra tỉnh Vĩnh Long, Thanh tra tỉnh Bến Tre, Thanh tra tỉnh

Trà Vinh trước khi sắp xếp thực hiện. Trường hợp các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp thì Thanh tra tỉnh Vĩnh Long sau sắp xếp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 7 năm 2025.
2. Quyết định này bãi bỏ các quyết định sau:
 - a) Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long;
 - b) Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Bến Tre và Điều 2 Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
 - c) Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Trà Vinh.
3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 6;
- Thanh tra Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Phòng NC;
- Lưu: VT, 78.TCDNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Quang Ngời